

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

- Căn cứ các Điều 357, 609, 612, 613, 623, 649, 650, 651 Bộ luật dân sự;
- Căn cứ Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Căn cứ Điều 12, khoản 7 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.
- Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 24/5/2021 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 07/2020/TLST - DS ngày 14/01/2020.

XÉT THẤY

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1/ Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1964

Nơi cư trú: Số S đường C, thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng

*** Bị đơn:** Ông Nguyễn Đăng D, sinh năm 1966

Nơi cư trú: Số G đường C, thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng

*** Những người có quyền và lợi ích liên quan:**

1/ Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1959. Nơi cư trú: số D đường N, phường E, Quận B, Tp. Hồ Chí Minh.

Bà H ủy quyền cho bà Nguyễn Thị L đại diện tham gia tố tụng theo văn bản ủy quyền ngày 21/7/2020.

2/ Bà Nguyễn Thị H1, sinh năm 1966. Nơi cư trú: số N đường P, thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

3/ Bà Nguyễn Thị L1, sinh năm 1970. Nơi cư trú: Số G đường C, thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng

2/ Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Xác định hàng thừa kế thứ nhất của ông Nguyễn Đăng T (mất ngày 13/11/2000) và bà Hà Thị D (mất ngày 10/4/2012) gồm có 04 người là bà Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị H1 và ông Nguyễn Đăng D.

- Xác định di sản thừa kế do ông Nguyễn Đăng T và bà Hà Thị D để lại là quyền sử dụng đất có diện tích 984,6m² (trong đó có 320m² đất thổ cư) thuộc thửa 60 tờ bản đồ

số 05 tại thị trấn Liên Nghĩa đất đã được UBND huyện Đức Trọng cấp quyền sử dụng đất vào ngày 06/10/1993.

- Chia cho ông Nguyễn Đăng D được nhận phần diện tích có chiều ngang mặt đường C là 7,62m, chiều ngang phía sau là 7,62m, chiều dài là hết lô đất được chia (có *họa đồ kèm theo*) có diện tích 481,6m² (trong đó có 120m² đất thổ cư) thuộc một phần thửa 60 tờ bản đồ 05 tại thị trấn L. Ông D được quyền sở hữu các cây trồng trên phần đất được chia.

- Chia cho bà Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị H1 được quyền sử dụng chung diện tích đất có chiều ngang mặt đường C là 9m, chiều ngang phía sau là 7,67m, chiều dài là hết lô đất được chia (có *họa đồ kèm theo*) có diện tích 503m² (trong đó có 200m² đất thổ cư) thuộc một phần thửa 60 tờ bản đồ 05 tại thị trấn L. Bà Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị H1 được quyền sở hữu các cây trồng, giếng nước trên phần đất được chia.

- Vợ chồng ông Nguyễn Đăng D, bà Nguyễn Thị L1 có trách nhiệm di dời, tháo dỡ phần nhà, công trình kiến trúc và các chậu cây cảnh trên phần đất của bà L, bà H, bà H1 được chia.

Các bên đương sự có quyền và nghĩa vụ liên hệ cơ quan có thẩm quyền để đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định.

3/ Về án phí:

- Ông Nguyễn Đăng D chịu 7.525.200đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Bà Nguyễn Thị L chịu 3.834.800đồng nhưng được trừ vào số tiền 12.000.000đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0014107 ngày 10/01/2020. Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị L 8.165.200đồng tiền tạm ứng án phí còn thừa.

- Bà Nguyễn Thị H1 chịu 3.834.800đồng nhưng được trừ vào số tiền 300.000đồng tạm ứng án phí đã nộp theo phiếu thu số 0000362 ngày 15/7/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đức Trọng. Bà Nguyễn Thị H1 còn phải đóng 3.534.800đồng tiền án phí còn thiếu.

- Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1959 là người cao tuổi theo quy định, hoàn trả cho bà Nguyễn Thị H 300.000đồng tiền tạm ứng án phí theo phiếu thu số 0001361 ngày 21/5/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đức Trọng.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh, huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- Đương sự;
- Lưu HS, AV

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Nguyễn Đăng Vương